

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

HUYỆN KRÔNG BÔNG

TỈNH ĐẮK LẮK

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HSST

Ngày: 05/6/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Huế
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Như Thịnh và bà Hà Thị Huyền

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tấn Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:
Ông Lâm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2020/TLST – HS ngày 05/3/2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020 /HSST- QĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020 và Thông báo mở phiên toà số 15/2020/TB - TA ngày 15/5/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Thanh N; sinh năm: 1990, tại tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nơi cư trú: Thôn A, xã KNĐ, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk; Cha bị cáo tên là Trần Thanh P, sinh năm: 1962, mẹ bị cáo tên là Nguyễn Thị Bích L, sinh năm: 1964. Gia đình bị cáo có 05 anh em ruột, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình. Cha mẹ, anh em của bị cáo đang làm ăn sinh sống ở thôn

A, xã KNĐ, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk; Tiền án, tiền sự: Không ; Về nhân thân: Ngày 01/4/2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: Trộm cắp tài sản; Ngày 28/9/2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 28/4/2011, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 18/4/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 14/01/2015, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 26/11/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 21/9/2016, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống; Ngày 05/11/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên toà

2. Họ và tên: Nguyễn Lê M; Sinh năm: 1990, tại tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi cư trú: Thôn A, xã KNĐ, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 04/12; Con ông: Nguyễn Lê T, sinh năm: 1968 và con bà: Phạm Thị T, sinh năm: 1967. Gia đình bị cáo có 04 anh em ruột, bị cáo là con thứ hai. Hiện nay, cha, mẹ và anh, em ruột của bị cáo đang làm ăn sinh sống ở thôn A, xã KNĐ, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk .

Bị cáo có vợ là H' Bĩ L nhưng không có đăng ký kết hôn. Bị cáo chưa có con. Hiện nay, vợ bị cáo đang làm ăn, sinh sống ở buôn Z, xã HS, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/9/2019 cho đến ngày 04/5/2020

Bị cáo tại ngoại. Hiện có mặt tại phiên toà

3. Họ và tên: Nguyễn Thị P; Sinh năm: 1986, tại tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/12; Nơi cư trú: Thôn B, xã CKT, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk; Cha bị cáo tên là Nguyễn C (đã chết); mẹ bị cáo tên là Cao Thị Th, sinh

năm: 1962. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Bị cáo có chồng là Nguyễn P (đã chết). Bị cáo có hai người con, đứa lớn nhất sinh năm 2006, đứa nhỏ nhất sinh năm: 2008. Hiện nay, mẹ và các con của bị cáo đang làm ăn sinh sống ở Thôn B, xã CKT, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk ;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại. Hiện có mặt tại phiên toà

4. Họ và tên: Nguyễn Viết Tr; **Sinh năm:** 1986, tại tỉnh Đắk Lắk; **Nghề nghiệp:** Làm nông; **Nơi cư trú:** Thôn A, xã CKT, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk; **Trình độ học vấn:** 4/12; **Con ông:** Nguyễn Lê S, sinh năm: 1959 và con bà Phạm Thị Kim L, sinh năm: 1963. Gia đình bị cáo có 04 anh, em ruột, bị cáo là con đầu; Bị cáo có vợ là Hà Thị V, sinh năm: 1994; Bị cáo có hai người con, đứa lớn nhất, sinh năm: 2013, đứa nhỏ nhất sinh đầu năm 2020. Hiện nay, vợ con của bị cáo đang làm ăn, sinh sống tại Thôn A, xã CKT, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk; **Tiền án, tiền sự:** Không; **Nhân thân:** Ngày 20/3/2012, bị cáo bị Công an phường Tự An, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt hành chính, với số tiền là 1.500.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản. Ngày 17/01/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Lắk, Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 13/9/2014, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống; Ngày 05/11/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội Đánh bạc.

Bị cáo tại ngoại. Hiện có mặt tại phiên toà

*** Người bị hại:**

- Ông Y S Niê, sinh năm: 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Buôn C KÊ, xã DK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk

- Ông Đoàn Ngọc Đ, sinh năm: 1991(có mặt)

Địa chỉ: Thôn A 1, xã HT, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk

- Ông Lê Xuân D, sinh năm: 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 7, xã HS, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk

- Ông Y K Kpor, sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Buôn BH, xã CP, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Lê Thị Y, sinh năm: 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A 2, xã KNĐ, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Huy M, sinh năm: 1958 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A 2, xã KNĐ, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk

- Ông Trần Thanh P, sinh năm: 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã KNĐ, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm: 1963 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Thôn B, xã CKT, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk

- Ông Phan Ngọc T, sinh năm: 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố B1, thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk

- Bà H' Bĩ L, sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Buôn Z, xã HS, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk

*** Người làm chứng:**

- Ông Võ Xuân H, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A 1, xã HP, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk

- Ông Y K Bkrông, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn NA, xã HP, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk

• Người bào chữa cho các bị cáo:

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh N : bà Trần Thị Phương Lan- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê M và bị cáo Nguyễn Thị P: Ông Phùng Văn Hải - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Viết Tr: Ông Phạm Công Minh - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ 05/5/2019 đến ngày 18/9/2019, Trần Thanh N , Nguyễn Lê M và Nguyễn Thị P đã thực hiện 5 vụ trộm cắp tài sản, rồi đưa cho Nguyễn Viết Tr tiêu thụ, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 05/5/2019, Trần Thanh N gọi điện thoại cho Nguyễn Lê M điều khiển xe mô tô biển số 47M7 – 7427 đến chở Trần Thanh N đi trộm cắp xe mô tô. Khi đi đến thôn A, xã HT, huyện KB, Đắk Lắk thì phát hiện anh Đoàn Ngọc Đ, để xe mô tô biển số 47K1 – 255.05 trước hiên nhà, không có người trông coi nên Nguyễn Lê M dừng xe lại, Trần Thanh N đi vào dắt xe ra điều khiển đi lên khu vực đường Trần Quý Cáp, Thành phố Buôn Ma Thuột bán cho một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) 9.000.000đ. Trần Thanh N chia cho Nguyễn Lê M 5.000.000đ và giữ lại cho mình 4.000.000đ cho mình để chi xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 15/6/2019, Nguyễn Lê M điều khiển xe ô tô biển số 47M7 – 7427 chở Trần Thanh N đến buôn CKÊ, xã DK, huyện KB, Đắk Lắk thì phát hiện nhà anh Y S Niê để xe mô tô biển số 47K1 – 170.03 bên hông nhà, không có người trông coi nên Nguyễn Lê M dừng xe lại, Trần Thanh N đi vào dắt xe ra rồi điều khiển xe đi lên thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk bán cho một người đàn ông (đã mua xe của Trần Thanh N ngày 05/5/2019) 9.000.000đ, Trần Thanh N chia cho Nguyễn Lê M 5.000.000đ và giữ lại cho mình 4.000.000đ , tiêu xài cá nhân hết

Vụ thứ ba: Khoảng 23 giờ ngày 02/9/2019, Nguyễn Lê M điều khiển xe mô tô biển số 47M7 – 7427 chở Trần Thanh N đến thôn B, xã HS, huyện KB, Đắk Lắk thì phát hiện nhà ông Lê Xuân D để xe mô tô biển số 47K1 – 293.26 bên hông nhà, chìa khoá để trên xe, không có người trông coi nên Nguyễn Lê M dừng xe lại, Trần Thanh N đi thẳng vào dắt xe ra điều khiển đi lên khu vực gần bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên, Thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk bán cho một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) 7.000.000đ. Trần Thanh N chia cho Nguyễn Lê M 5.000.000đ còn giữ lại cho mình 2.000.000đ, tiêu xài cá nhân hết

Vụ thứ tư: Khoảng 21 giờ ngày 03/9/2019, Trần Thanh N đang đi bộ đến khu vực thôn A 2, xã KNĐ, huyện KB, Đắk Lắk thì phát hiện nhà chị Lê Thị Y để xe mô tô biển số 47K1 – 300.05 trước hiên nhà, không người trông coi nên Trần Thanh N gọi điện thoại cho Nguyễn Lê M đi bộ đến. Sau đó, Nguyễn Lê M đứng ngoài cánh giới còn Trần Thanh N đi đến khu vực hàng rào mở lưới B40 nhà ông Nguyễn Huy M (cạnh nhà chị Lê Thị Y) để đi ngang qua vào hiên nhà chị Lê Thị Y dắt xe ra ngoài đường và điều khiển xe lên khu vực gần Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên, Thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk bán cho một người đàn ông (mua xe của Trần Thanh N ngày 02/9/2019) 7.000.000đ. Trần Thanh N chia cho Nguyễn Lê M 5.000.000đ, giữ lại cho mình 2.000.000đ tiêu xài cá nhân hết

Vụ thứ năm: Khoảng 14 giờ ngày 18/9/2019, Trần Thanh N điều khiển xe mô tô biển số 47K1 – 304.19 chở Nguyễn Thị P đi vào nhà Y K ở Buôn Ngô A, xã HP, huyện KB, Đắk Lắk chơi. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì đi về, khi đi ngang qua nhà anh Y K Kpor ở buôn BH, xã CP, huyện KB, Đắk Lắk thì phát hiện xe mô tô biển số 47K1 – 299.90 dựng bên hiên nhà không người trông coi nên nảy sinh ý định trộm và nói với Nguyễn Thị P, do trời còn sáng nên Nguyễn Thị P không đồng ý. Trần Thanh N tiếp tục điều khiển đến nhà anh Võ Xuân H ở thôn A 1, xã HP, huyện KB, Đắk Lắk chơi. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì đi về, trên đường đi Trần Thanh N nói với Nguyễn Thị P lấy xe bán để trả nợ, Nguyễn Thị P đồng ý và Nguyễn Thị

P điều khiển xe chở Trần Thanh N đến đường bên hông nhà anh Y K, Trần Thanh N xuống xe leo qua hàng rào lưới B40 đi vào hiên nhà lấy xe mô tô của anh Y K điều khiển đi đến cầu số 7 thuộc thôn A 4, xã HL, huyện KB, Đắk Lắk, Trần Thanh N dừng xe lại mở yên xe lấy kìm trong xe ra tháo biển số và vớt biển số, kìm xuống khu vực ruộng gần đó và điều khiển xe về cất giấu tại khu vực đất trống thuộc thôn B, xã CK, huyện KB, Đắk Lắk. Sau đó, Trần Thanh N lấy biển số 47D1 – 112.64 (biển số Trần Thanh N nhật được) gắn vào xe trộm cắp. Sáng ngày 19/8/2019, Trần Thanh N gặp Nguyễn Viết Tr nhờ bán xe trộm cắp được và hứa chia đôi số tiền bán được, Nguyễn Viết Tr đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Nguyễn Viết Tr đưa chiếc xe trên đi tiêu thụ thì bị Công an huyện Krông Bông, Đắk Lắk bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 30/KL – HĐ ngày 20/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Krông Bông, Đắk Lắk kết luận: Xe mô tô biển số 47K1 – 299.90, trị giá 16.150.000đ

Tại bản kết luận định giá tài sản số 31/KL – HĐ ngày 26/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Krông Bông, Đắk Lắk kết luận: Xe mô tô biển số 47K1 – 293.26, trị giá 16.200.000đ

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/KL – HĐ ngày 27/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Krông Bông, Đắk Lắk kết luận: Xe mô tô biển số 47K1 – 300.05, trị giá 16.200.000đ

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33/KL – HĐ ngày 27/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Krông Bông, Đắk Lắk kết luận: Xe mô tô biển số 47K1 – 170.03, trị giá 25.000.000đ

Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/KL – HĐ ngày 30/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Krông Bông, Đắk Lắk kết luận: Xe mô tô biển số 47K1 – 255.05, trị giá 27.000.000đ

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL – HĐ ngày 19/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Krông Bông, Đắk Lắk kết luận: Xe mô tô biển số 47K1 – 304.19, trị giá 27.711.000đ

Tại bản giám định số 1073/PC09 ngày 26/12/2019 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Biển số xe 47D1 – 112-64 là biển số giả.

Qua điều tra xác định:

- Xe mô tô biển số 47K1 – 255.05, chủ sở hữu là anh Đoàn Ngọc Đ, trú tại thôn A 1, xã HT, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk
- Xe mô tô biển số 47K1 – 170.03, chủ sở hữu là anh Y S Niê, trú tại buôn K ÊM, xã DK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk
- Xe mô tô biển số 47K1 – 293.26, chủ sở hữu là anh Lê Xuân D, trú tại thôn B, xã HS, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk
- Xe mô tô biển số 47K1 – 300.05, chủ sở hữu là chị Lê Thị Y, trú tại thôn A 2, xã KNĐ, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk
- Xe mô tô biển số 47K1 – 299.90, chủ sở hữu là anh Y K Kpor, trú tại Buôn BH, xã CP, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk
- Xe mô tô biển số 47M7 – 7427, chủ sở hữu là chị H Bĩ L, trú tại Buôn Z, xã HS, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk
- Xe mô tô biển số 47K1 – 304.19, chủ sở hữu là bị cáo Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị P mua trả góp tại Công ty TNHH MTV XM NV 6, tổ dân phố A, thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk và còn nợ lại 8.000.000đ
- Trần Thanh N mở hàng rào lưới B40 nhà ông Nguyễn Huy M nhưng không gây thiệt hại và ông mát không yêu cầu bồi thường

Vật chứng thu giữ được, gồm:

- Xe mô tô biển số 47K1 – 299.90 . Ngày 03/12/2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Krông Bông, Đắk Lắk đã trả cho anh Y K Kpor, là chủ sở hữu.

- Xe Mô tô biển số 47M7 – 7427. Ngày 11/02/2020 , Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Krông Bông, Đắk Lắk đã trả cho bà Hbĩ L .

- Xe mô tô biển số 47K1 – 304.19, chủ sở hữu là Nguyễn Thị P, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Krông Bông, Đắk Lắk đang tạm giữ để đảm bảo công tác Thi hành án

Vật chứng không thu giữ được:

- Xe mô tô biển số 47K1 – 255.05 , chủ sở hữu là anh Đoàn Ngọc Đ
- Xe mô tô biển số 47K1 – 170.03, chủ sở hữu là anh Y S Niê
- Xe mô tô biển số 47K1 – 293.26, chủ sở hữu là anh Lê Xuân D
- Xe mô tô biển số 47K1 – 300.05, chủ sở hữu là chị Lê Thị Y,
- 01 biển số xe 47K1 – 299.90
- 01 kim và điện thoại của Trần Thanh N và Nguyễn Lê M dùng làm phương tiện phạm tội

Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Đoàn Ngọc Đ yêu cầu bồi thường theo định giá xe là 27.000.000đ
- Anh Y S Niê yêu cầu bồi thường theo định giá xe là 25.000.000đ
- Anh Lê Xuân D yêu cầu bồi thường theo định giá xe là 16.200.000đ
- Chị Lê Thị Y yêu cầu bồi thường theo định giá xe là 16.200.000đ
- Anh Y K Kpor yêu cầu bị cáo Trần Thanh N, Nguyễn Thị P và Nguyễn Viết Tr phải bồi thường số tiền là 5.000.000đ để anh chi phí xin cấp lại biển số xe và chi phí sửa chữa xe.

- Ông Phan Ngọc T – Đại diện uỷ quyền của Công ty TNHH MTV XM NV 6 yêu cầu Nguyễn Thị P trả 8.000.000đ còn nợ tiền xe.

Nguyễn Thị P nộp 500.000đ, gia đình Trần Thanh N 5.000.000đ, Nguyễn Lê M 5.000.000đ và Nguyễn Viết Tr 2.000.000đ để khắc phục hậu quả

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS - HS ngày 05/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông đã truy tố các bị cáo như sau:

Bị cáo Trần Thanh N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk truy tố về tội: “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Lê M bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk truy tố về tội: “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị P bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk truy tố về tội: “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Viết Tr bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk truy tố về tội: “ *Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

* Những người bị hại yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản là giá trị xe bị lấy trộm, cụ thể như sau:

- Anh Y K Kpor trình bày: Mặc dù xe của anh bị các bị cáo lấy trộm nhưng cơ quan điều tra Công an huyện Krông Bông, Đắk Lắk đã tịch thu được và đã trả lại cho anh, nhưng xe bị hư hỏng nhiều, sửa chữa hết 3.500.000đ, biển số xe của anh, các bị cáo cũng đã vứt bỏ, anh cần phải đi xin cấp lại biển số xe, chi phí hết khoảng 1.500.000đ. Do vậy, anh yêu cầu các bị cáo Trần Thanh N, Nguyễn Thị P, Nguyễn Viết Tr phải bồi thường cho anh số tiền tổng cộng là 5.000.000đ.

Các bị cáo và người bị hại Y K Kpor đã thoả thuận mức bồi thường như sau: Các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Y K Kpor số tiền thiệt hại về chi phí sửa chữa xe và xin cấp lại biển số xe là: 3.000.000đ (ba triệu đồng). Hiện nay, bị

cáo Nguyễn Thị P đã nộp 500.000đ để khắc phục hậu quả và bị cáo Nguyễn Viết Tr đã nộp 2.000.000đ để khắc phục hậu quả. Như vậy, đã khắc phục được tổng cộng là 2.500.000đ. Còn 500.000đ, bị cáo Nguyễn Viết Tr sẽ trả cho anh Y K Kpor chậm nhất vào ngày 10/6/2020.

- Anh Đoàn Ngọc Đ yêu cầu bị cáo Trần Thanh N và bị cáo Nguyễn Lê M có trách nhiệm bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe của anh bị mất trộm là 27.000.000đ

- Anh Y S Niê yêu cầu bị cáo Trần Thanh N và bị cáo Nguyễn Lê M có trách nhiệm bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe của anh bị mất trộm là 25.000.000đ

- Ông Lê Xuân D yêu cầu bị cáo Trần Thanh N và bị cáo Nguyễn Lê M có trách nhiệm bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe của anh bị mất trộm là 16.200.000đ

- Chị Lê Thị Y yêu cầu bị cáo Trần Thanh N và bị cáo Nguyễn Lê M có trách nhiệm bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe của anh bị mất trộm là 16.200.000đ

Các bị cáo đồng ý bồi thường cho những người bị hại Đoàn Ngọc Đ, Y S Niê, Lê Xuân D và Lê Thị Y số tiền mà các bị hại yêu cầu như trên.

Bị cáo Trần Thanh N đã bồi thường số tiền 5.000.000đ, bị cáo Nguyễn Lê M đã bồi thường số tiền 5.000.000đ, số tiền này đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Bông, Đắk Lắk .

Các bị cáo và những người bị hại đã thoả thuận với nhau về việc phân chia số tiền mà các bị cáo đã nộp để bồi thường là 10.000.000đ , cụ thể như sau:

- Anh Đoàn Ngọc Đ và anh Y S Niê, mỗi người 3.000.000đ; Ông Lê Xuân D và chị Lê Thị Y mỗi người 2.000.000đ. Như vậy, các bị cáo còn tiếp tục bồi thường cho anh Đoàn Ngọc Đ là 24.000.000đ, bồi thường cho anh Y S Niê là 22.000.000đ, bồi thường cho ông Lê Xuân D và chị Lê Thị Y, mỗi người là 14.200.000đ

Bị cáo Trần Thanh N và Nguyễn Lê M, mỗi bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản bị thiệt hại cho những người bị hại, cụ thể như sau: Mỗi bị cáo chịu trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho anh Đoàn Ngọc Đ là 12.000.000đ; bồi

thường cho anh Y S Niê là 11.000.000đ; bồi thường cho ông Lê Xuân D là 7.100.000đ ; bồi thường cho chị Lê Thị Y là 7.100.000đ

* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Thanh N, Nguyễn Lê M và Nguyễn Thị P phạm tội “ Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Viết Tr phạm tội: “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đề nghị:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thanh N từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo Thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê M từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, trừ thời hạn tạm giam bị cáo là 07 tháng 09 ngày.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng .

Đề nghị Hội đồng xét xử giao bị cáo Nguyễn Thị P về chính quyền địa phương xã CKT, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết Tr từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

* Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Krông Bông, Đắk Lắk đã trả cho anh Y K Kpor là chủ sở hữu xe mô tô biển số 47K1 – 299.90 vào ngày 03/12/2019 và trả xe Mô tô biển số 47M7 – 7427 cho chị HBĩ L vào ngày 11/02/2020 vì khi bị cáo Nguyễn Lê M sử dụng xe mô tô biển số 47M7 – 7427 của chị HBĩ L đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, chị H Bĩ L không biết.

- Đối với xe mô tô biển số 47K1 – 304.19, chủ sở hữu là Nguyễn Thị P. Chiếc xe này, bị cáo Nguyễn Thị P mua trả góp tại Công ty TNHH MTV XM NV6, hiện đang còn nợ lại số tiền là 8.000.000đ. Ông Phan Ngọc T là Đại diện Công ty TNHH MTV XM NV 6 yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị P phải tiếp tục trả số tiền còn nợ là 8.000.000đ. Do đây là phương tiện phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, sung công quỹ nhà nước giá trị chiếc xe còn lại sau khi trả cho Công ty TNHH MTV XM NV 6 là 8.000.000đ.

- Đối với biển số 47D1 – 112.64 giả, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu huỷ vì không có giá trị sử dụng

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thoả thuận giữa bị cáo Trần Thanh N, Nguyễn Thị P, Nguyễn Viết Tr và người bị hại – anh Y K Kpor: Theo đó, các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại số tiền là 3.000.000đ, bị cáo Nguyễn Thị P đã nộp là 500.000đ, bị cáo Nguyễn Viết Tr đã nộp là 2.000.000đ, số tiền này đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Bông, Đắk Lắk. Bị cáo Nguyễn Viết Tr đồng ý tiếp tục bồi thường cho anh Y K Kpor số tiền là 500.000đ, chậm nhất vào ngày 10/6/2020.

Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo Trần Thanh N, bị cáo Nguyễn Lê M với những người bị hại về việc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho những người bị hại, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho anh Đoàn Ngọc Đ giá trị xe là 27.000.000đ
- Bồi thường cho anh Y S Niê giá trị xe là 25.000.000đ .
- Bồi thường cho ông Lê Xuân D giá trị xe là 16.200.000đ
- Bồi thường cho chị Lê Thị Y giá trị xe là 16.200.000đ.

Tổng cộng là 84.400.000đ

Bị cáo Trần Thanh N và bị cáo Nguyễn Lê M đã nộp được 10.000.000đ để khắc phục hậu quả, số tiền này chi trả đều cho những người bị hại như sau: Chi trả cho anh Đoàn Ngọc Đ và anh Y S Niê mỗi người 3.000.000đ, chi trả cho ông Lê Xuân D và chị Lê Thị Y mỗi người là 2.000.000đ.

Số thiệt hại còn lại các bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho những người bị hại là 74.400.000đ. Các bị cáo có trách nhiệm liên đới tiếp tục bồi thường cho những người bị hại, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo tỷ lệ 50/50 cho người bị hại: Như vậy, mỗi bị cáo có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho anh Đoàn Ngọc Đ số tiền là $(27.000.000 - 3.000.000\text{đ})/2 = 12.000.000\text{đ}$; cho anh Y S Niê số tiền là: $(25.000.000\text{đ} - 3.000.000\text{đ})/2 = 11.000.000\text{đ}$; cho ông Lê Xuân D và chị Lê Thị Y, mỗi người là: $(16.200.000\text{đ} - 2.000.000\text{đ})/2 = 7.100.000\text{đ}$.

Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Trần Thanh N, Nguyễn Lê M, Nguyễn Thị P và Nguyễn Viết Tr là các cá nhân hộ nghèo và cận nghèo, các bị cáo cũng đã có đơn xin miễn, giảm tiền án phí Hình sự và Dân sự sơ thẩm. Vì vậy, miễn án phí Hình sự và Dân sự sơ thẩm cho các bị cáo Trần Thanh N, Nguyễn Lê M, Nguyễn Thị P và Nguyễn Viết Tr.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh N trình bày: Về tội danh, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk truy tố bị cáo Trần Thanh N về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thanh N từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án là nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo một mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị vì bị cáo đã tự thú hành vi phạm tội của mình và đồng bọn vào ngày 05/5/2019; 15/6/2019; 02/9/2019; 03/9/2019 18/9/2019 giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng điều tra , làm rõ hành vi phạm tội. Mặt khác, bị cáo cũng đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường, khắc phục thiệt hại số tiền là 5.000.000đ.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê M trình bày: Về tội danh, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk truy tố bị cáo Nguyễn Lê M về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê M từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù là nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo một mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị vì bị cáo đã tự thú hành vi phạm tội của mình và đồng bọn vào ngày 05/5/2019; 15/6/2019; 02/9/2019; 03/9/2019 giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng điều tra, làm rõ hành vi phạm tội. Mặt khác, bị cáo cũng đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường, khắc phục thiệt hại số tiền là 5.000.000đ. Ngoài ra, đây là lần đầu bị cáo phạm tội và bị cáo chỉ là người bị bị cáo Trần Thanh N rủ rê, thiệt hại xảy trong vụ án này là không lớn, bị cáo và bị cáo Trần Thanh N gây thiệt hại tổng cộng

là 84.400.000đ. Như vậy, mỗi bị cáo gây thiệt hại là $84.400.000đ / 2 = 42.200.000đ$. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Lê M vì bị cáo là cá nhân thuộc hộ nghèo, bị cáo cũng đã có đơn xin miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị P trình bày: Về tội danh, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk truy tố bị cáo Nguyễn Thị P về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P từ 06 (sáu) tháng 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án là nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Nguyễn Thị P được cải tạo không giam giữ vì bị cáo Nguyễn Thị P chỉ là người bị bị cáo Trần Thanh N rủ rê, bị cáo Nguyễn Thị P chỉ chờ bị cáo Trần Thanh N đến nơi có chiếc xe mà bị cáo Trần Thanh N muốn dắt trộm. Hơn nữa, hiện nay, bị cáo Nguyễn Thị P là lao động chính trong gia đình nuôi mẹ già và hai con nhỏ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Thị P .

Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm cho bị cáo vì bị cáo là cá nhân thuộc hộ nghèo, bị cáo cũng đã có đơn xin miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Viết Tr là ông Phạm Công M đã vắng mặt tại phiên toà nhưng có bản luận cứ bào chữa gửi cho Hội đồng xét xử, nội dung như sau: Đồng ý với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông về việc truy tố bị cáo Nguyễn Viết Tr về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Viết Tr bị bị cáo Trần Thanh N rủ rê nhờ đi bán hộ chiếc

xe mô tô vừa trộm cắp được rồi chia tiền, Nguyễn Viết Tr đã đồng ý tiêu thụ tài sản trộm cắp. Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Viết Tr đã thành khẩn khai báo. Mặc dù, chiếc xe đã được thu giữ trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Y K Kpor nhưng bị cáo cũng đã tự nguyện khắc phục hậu quả với số tiền là 2.000.000đ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và mức đề nghị của Viện kiểm sát để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta mà vẫn bảo đảm tính giáo dục, răn đe, đồng thời tạo cơ hội cho bị cáo. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm cho bị cáo vì bị cáo là cá nhân thuộc hộ nghèo, bị cáo cũng đã có đơn xin miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê M cho rằng thiệt hại xảy ra là không lớn (do tổng giá trị thiệt hại mà bị cáo Nguyễn Lê M gây ra là 42.200.000đ) là không phù hợp vì xe mô tô là một tài sản lớn đối với mỗi gia đình, đó là phương tiện đi lại chủ yếu để kiếm sống, thậm chí có chiếc xe người bị hại mới trả góp xong thì bị mất trộm.

Người bào chữa cho bị cáo Truyện đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo một mức hình phạt dưới khung hình phạt là không phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này của người bào chữa .

Đối với lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị P : Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Nguyễn Thị P cải tạo không giam giữ là không phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý xe mô tô của mọi người trên địa bàn huyện Krông Bông, Đắk Lắk. Vào các ngày 05/5/2019; ngày 15/6/2019; ngày 02/9/2019 và ngày 03/9/2019, bị cáo Trần Thanh N đã rủ bị cáo Nguyễn Lê M đi lấy trộm xe mô tô rồi bị cáo Trần Thanh N mang xe trộm cắp được lên thành phố Buôn Ma Thuột bán cho hai người không rõ họ tên, địa chỉ, lấy tiền chia nhau để chi dùng cho mục đích cá nhân .

Ngoài ra, vào ngày 18/9/2019, bị cáo Trần Thanh N đã rủ bị cáo Nguyễn Thị P thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu dùng cho cá nhân. Sau khi lấy được xe mô tô, bị cáo Trần Thanh N đã nhờ bị cáo Nguyễn Viết Tr bán xe mô tô trộm cắp được để lấy tiền chia nhau chi dùng cho mục đích cá nhân thì bị bắt giữ.

Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để khẳng định, hành vi của bị cáo Trần Thanh N đã phạm vào tội: “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Lê M đã phạm vào tội: “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị P đã phạm vào tội: “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Viết Tr đã phạm vào tội: “ *Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: *Tội trộm cắp tài sản*

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a). Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm :

b. Có tính chấp chuyên nghiệp;

c. Chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

Điều 323 Bộ luật Hình sự quy định: Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

Xét về nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo đều xuất thân từ những gia đình thuần nông, hoàn cảnh kinh tế khó khăn là những cá nhân thuộc hộ nghèo và cận nghèo; trình độ học vấn thấp như bị cáo Nguyễn Lê M, bị cáo Nguyễn Thị P, bị cáo Nguyễn Viết Tr có trình độ học vấn 4/12, thậm chí bị cáo Trần Thanh N còn không biết chữ. Do vậy, nhận thức về pháp luật của các bị cáo có nhiều hạn chế.

Sau khi phạm tội cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 12.500.000đ , trong đó bị cáo Trần Thanh N và bị cáo Nguyễn Lê M, mỗi bị cáo bồi thường số tiền là 5.000.000đ; bị cáo Nguyễn Thị P tự nguyện bồi thường 500.000đ, còn bị cáo Nguyễn Viết Tr cũng đã bồi thường được 2.000.000đ. Mặt khác, tài sản là xe mô

tô mà bị cáo Trần Thanh N , bị cáo Nguyễn Thị P trộm cắp rồi đưa cho bị cáo Nguyễn Viết Tr đi tiêu thụ đã thu hồi được và trả cho người bị hại là anh Y K Kpor nên trong vụ án này các bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do vậy, HĐXX cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước ta .

Tuy nhiên, vai trò của các bị cáo trong vụ án này là khác nhau. Bị cáo Trần Thanh N là người đề ý, tìm kiếm xe mô tô do người quản lý sơ hở rồi rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi trộm cắp tài sản . Bị cáo vừa là người cầm đầu cũng là người tích cực thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người trực tiếp dắt trộm xe, cũng là người trực tiếp mang xe đi bán lấy tiền. Trong tất cả 05 lần trộm cắp thì giá trị tài sản mà các bị cáo lấy trộm đều trên 2.000.000 đồng. Điều này thể hiện, bị cáo thực hiện hành vi mang tính chất chuyên nghiệp. Mặc dù, trước đây bị cáo đã 05 lần bị xử phạt tù, trong đó có 04 lần bị xử phạt tù vì đã có hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đây làm bài học cho bản thân, bị cáo lại còn rủ rê người khác cùng thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với bị cáo Nguyễn Lê M, đây là lần đầu bị cáo phạm tội nhưng bị cáo đã cùng bị cáo Trần Thanh N thực hiện 4 vụ trộm cắp tài sản trong khoảng thời gian từ ngày 05/5/2019 đến ngày 03/9/2019, khi nghe bị cáo Trần Thanh N rủ đi trộm cắp tài sản, bị cáo không những không khuyên nhủ bị cáo Trần Thanh N mà còn nhiệt tình giúp đỡ, mang xe chở bị cáo Trần Thanh N đi trộm cắp tài sản rồi lấy tiền chia nhau chi dùng cho mục đích cá nhân.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị P, mặc dù chỉ mới quen nhau nhưng khi bị cáo Trần Thanh N rủ đi Trộm cắp tài sản để bán lấy tiền trả nợ, bị cáo Nguyễn Thị P liền đồng ý và lấy chiếc xe mô tô đang trả góp của mình để chở bị cáo Trần Thanh N đến nơi Trộm cắp tài sản để bị cáo Trần Thanh N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Đối với bị cáo Nguyễn Viết Tr, mặc dù bị cáo cũng đã từng bị phạt hành chính, bị đi tù về tội Trộm cắp tài sản nhưng khi thấy bị cáo Trần Thanh N nhờ đi bán chiếc xe

mới trộm cắp được và bị cáo Trần Thanh N hứa sẽ chia tiền cho bị cáo Nguyễn Viết Tr, bị cáo Nguyễn Viết Tr liền đồng ý mà không đắn đo điều gì.

Hành vi của các bị cáo là coi thường pháp luật, đua đòi, ham chơi, lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu dùng. Do vậy, cần áp dụng cho các bị cáo một hình phạt tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[2] Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng thu giữ được: Cần áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Cần chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Krông Bông, Đắk Lắk đã trả cho anh Y K Kpơ là chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô biển số 47K1 – 299.90 vào ngày 03/12/2019 và trả cho bà HBĩ L xe Mô tô biển số 47M7 – 7427 vào ngày 11/02/2020 .

- Cần tịch thu sung công quỹ nhà nước giá trị còn lại của xe mô tô biển số 47K1 – 304.19, chủ sở hữu là Nguyễn Thị P sau khi trả cho Công ty TNHH XM NV 6 số tiền là 8.000.000đ do Nguyễn Thị P dùng xe mô tô này làm phương tiện chở Trần Thanh N đi thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, xe mô tô này Nguyễn Thị P mua trả góp và hiện còn nợ lại Công ty TNHH XM NV 6 số tiền là 8.000.000đ

- Cần tịch thu, tiêu huỷ 01 biển số xe mô tô 47D1 – 112.64 giả vì không có giá trị sử dụng

Đối với số vật chứng không thu giữ được gồm: Xe mô tô biển số 47K1 – 255.05 chủ sở hữu là anh Đoàn Ngọc Đ; Xe mô tô biển số 47K1 – 170.03 chủ sở hữu là anh Y S Niê; Xe mô tô biển số 47K1 – 293.26 chủ sở hữu là anh Lê Xuân D; Xe mô tô biển số 47K1 – 300.0, chủ sở hữu là chị Lê Thị Y; 01 biển số xe 47K1 – 299.90; 01 kim và điện thoại của Trần Thanh N và Nguyễn Lê M dùng làm phương tiện phạm tội. Do vậy, không đặt ra để giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Sự thoả thuận giữa các bị cáo, người bị hại tại phiên toà là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự cần chấp nhận sự thoả thuận này, cụ thể như sau:

- Các bị cáo Trần Thanh N, Nguyễn Thị P, Nguyễn Viết Tr phải bồi thường cho anh Y K Kpor số tiền là 3.000.000đ do xe bị hư hỏng; Bị cáo Nguyễn Thị P đã bồi thường 500.000đ, bị cáo Nguyễn Viết Tr đã bồi thường 2.000.000đ, số tiền này đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Bông, Đắk Lắk . Bị cáo Nguyễn Viết Tr tiếp tục bồi thường cho anh Y K Kpor số tiền là 500.000đ, chậm nhất vào ngày 10/6/2020.

- Các bị cáo Trần Thanh N và Nguyễn Lê M phải bồi thường cho anh Đoàn Ngọc Đ số tiền là 27.000.000đ; bồi thường cho anh Y S Niê số tiền là 25.000.000đ; bồi thường cho ông Lê Xuân D và chị Lê Thị Y mỗi người là 16.200.000đ. các bị cáo đã bồi thường cho anh Đoàn Ngọc Đ và Y S Niê, mỗi người được 3.000.000đ; bồi thường cho ông Lê Xuân D và chị Lê Thị Y mỗi người được 2.000.000đ. Số tiền này đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Bông, Đắk Lắk. Các bị cáo Trần Thanh N và Nguyễn Lê M tiếp tục bồi thường cho anh Đoàn Ngọc Đ là 24.000.000đ, bồi thường cho anh Y S Niê là 23.000.000đ, bồi thường cho ông Lê Xuân D và chị Lê Thị Y, mỗi người là 14.200.000đ. Bị cáo Trần Thanh N và bị cáo Nguyễn Lê M, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$ thiệt hại cho người bị hại, cụ thể như sau: mỗi bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh Đoàn Ngọc Đ số tiền là 12.000.000đ, bồi thường cho anh Y S Niê là 11.500.000đ, bồi thường cho ông Lê Xuân D và chị Lê Thị Y mỗi người là 7.100.000đ.

[3] Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Trần Thanh N, Nguyễn Lê M, Nguyễn Thị P và Nguyễn Viết Tr là những cá

nhân thuộc hộ nghèo và cận nghèo. Do vậy, miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm cho các bị cáo: Trần Thanh N , Nguyễn Lê M, Nguyễn Thị P và Nguyễn Viết Tr theo quy định của pháp luật.

Xét thấy quan điểm đường lối xử lý vụ án và đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên giữ quyền công tố là phù hợp với quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Xét lời bào chữa của trợ giúp viên là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Tuy nhiên, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê M cho rằng thiệt hại xảy ra là không lớn (do tổng giá trị thiệt hại mà bị cáo Mẫn gây ra là 42.200.000đ) là không phù hợp vì xe mô tô là một tài sản lớn đối với mỗi gia đình, đó là phương tiện đi lại chủ yếu để kiếm sống, thậm chí có chiếc xe người bị hại mới trả góp xong thì bị mất trộm. Do vậy, không chấp nhận đề nghị này của người bào chữa

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Viết Tr đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo một mức hình phạt dưới khung hình phạt là không phù hợp do bị cáo Nguyễn Viết Tr mặc dù không hứa trước nhưng biết là tài sản trộm cắp mà có nhưng bị cáo vẫn mang đi tiêu thụ, giúp sức tích cực cho bị cáo Trần Thanh N trong việc tiêu thụ tài sản trộm cắp. Vì vậy, không chấp nhận đề nghị này của người bào chữa .

Đối với lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị P : Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Nguyễn Thị P cải tạo không giam giữ là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không chấp nhận vì mặc dù bị cáo Nguyễn Thị P không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo đã đồng ý và là người đồng phạm tích cực giúp sức lấy xe của mình đưa bị cáo Trần Thanh N đến nơi có tài sản đã để ý từ trước để bị cáo Trần Thanh N thực hiện hành vi lấy trộm xe của anh Y K Kpor, thể hiện ở chỗ , bị cáo đã lấy xe của mình chở Trần Thanh N đến nơi có tài sản để Trần Thanh N thực hiện hành vi lấy trộm tài sản.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Các bị cáo Trần Thanh N, Nguyễn Lê M, Nguyễn Thị P phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*”.

Bị cáo Nguyễn Viết Tr phạm tội: “ *Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

1. Về hình phạt:

Căn cứ điểm b,c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lê M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo Thi hành án, trừ thời hạn tạm giữ , tạm giam bị cáo từ ngày 25/9/2019 đến ngày 04/5/2020 là 07 tháng 09 ngày tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị P 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị P về chính quyền địa phương xã CKT, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm kết hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Viết Tr 09 (chín) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo Thi hành án.

2. Các biện pháp tư pháp:

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Krông Bông, Đắk Lắk đã trả cho anh Y K Kpor là chủ sở hữu xe mô tô biển số 47K1 – 299.90 vào ngày 03/12/2019.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Krông Bông, Đắk Lắk đã trả cho bà HBĩ L xe Mô tô biển số 47M7 – 7427 vào ngày 11/02/2020.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước giá trị còn lại của xe mô tô biển số 47K1 – 304.19, do Nguyễn Thị P dùng làm phương tiện phạm tội sau khi trả cho Công ty TNHH XM NV 6 số tiền là 8.000.000đ .

- Tịch thu, tiêu huỷ biển số giả 47D1 – 112.64, do không còn giá trị sử dụng

Về trách nhiệm Dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự. Công nhận sự thoả thuận của các các bị cáo với những người bị hại, cụ thể như sau:

- Các bị cáo Trần Thanh N, Nguyễn Thị P, Nguyễn Viết Tr phải bồi thường cho anh Y K Kpor số tiền là 3.000.000đ do xe bị hư hỏng; Bị cáo Nguyễn Thị P đã bồi thường 500.000đ, bị cáo Nguyễn Viết Tr đã bồi thường 2.000.000đ, số tiền này đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Bông, Đắk Lắk . Bị cáo Nguyễn Viết Tr tiếp tục bồi thường cho anh Y K Kpor số tiền là 500.000đ, chậm nhất vào ngày 10/6/2020.

- Các bị cáo Trần Thanh N và Nguyễn Lê M phải bồi thường cho anh Đoàn Ngọc Đ số tiền là 27.000.000đ; bồi thường cho anh Y S Niê số tiền là 25.000.000đ; bồi thường cho ông Lê Xuân D và chị Lê Thị Y mỗi người là 16.200.000đ. các bị cáo đã bồi thường cho anh Đoàn Ngọc Đ và Y S Niê, mỗi người được 3.000.000đ; bồi thường cho ông Lê Xuân D và chị Lê Thị Y mỗi người được 2.000.000đ. Số tiền này đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Bông, Đắk Lắk. Các bị cáo Trần Thanh N và Nguyễn Lê M tiếp tục bồi thường cho anh Đoàn Ngọc

Đ là 24.000.000đ, bồi thường cho anh Y S Niê là 23.000.000đ, bồi thường cho ông Lê Xuân D và chị Lê Thị Y, mỗi người là 14.200.000đ. Bị cáo Trần Thanh N và bị cáo Nguyễn Lê M, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$ thiệt hại cho người bị hại, cụ thể như sau: mỗi bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh Đoàn Ngọc Đ số tiền là 12.000.000đ, bồi thường cho anh Y S Niê là 11.500.000đ, bồi thường cho ông Lê Xuân D và chị Lê Thị Y mỗi người là 7.100.000đ.

3. Về án phí: Miễn án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm cho các bị cáo Trần Thanh N, Nguyễn Lê M, Nguyễn Thị P và bị cáo Nguyễn Viết Tr.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I – TAND Tối cao

- TAND tỉnh

- VKSND huyện

- Sở Tư pháp

- Phòng PV 27

- CA huyện

- THA HS

- Chi cục THA DS

- Bị cáo, bị hại

- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

TRƯƠNG THỊ HUỆ